

Sự kế thừa, phát triển tư tưởng và nghệ thuật trong *Truyện Kiều*

Vũ Thanh *

Tóm tắt: Giá trị tư tưởng và nghệ thuật trong *Truyện Kiều* là kết quả tài năng xuất chúng của cá nhân Nguyễn Du, đồng thời là thành tựu của tiến trình gần một nghìn năm phát triển của văn học dân tộc, là kết tinh tinh hoa của văn hóa khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Trong *Truyện Kiều*, chủ nghĩa nhân đạo được Nguyễn Du phát triển, biểu hiện ở: lòng xót thương đối với đồng loại; đưa con người trở thành hình tượng nghệ thuật trung tâm của đời sống văn học; cảm thông với nỗi đau thể xác và tinh thần của con người; phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn và tài năng, nhân cách của họ. Chủ nghĩa nhân đạo được Nguyễn Du kế thừa từ tinh thần nhân văn của văn hóa bản địa vốn đề cao người phụ nữ, từ tinh thần nhân đạo và dân chủ của văn học dân gian, từ các giá trị nhân bản của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, từ nền tảng văn hóa Đông Á và Đông Nam Á.

Từ khóa: Nguyễn Du; *Truyện Kiều*; giá trị tư tưởng; nghệ thuật; chủ nghĩa nhân đạo.

1. Mở đầu

Những thành tựu nghệ thuật trong *Truyện Kiều* (Đoạn trường tân thanh) là kết quả tài năng xuất chúng của cá nhân Nguyễn Du, nhưng cũng là thành tựu của tiến trình gần một nghìn năm phát triển của văn hóa dân tộc; là thành tựu của những giá trị văn hóa khu vực, mà trung tâm là Trung Hoa. Sự ra đời của thiên tài thường được coi là đột xuất, nhưng xét cho kỹ thì sự xuất hiện đó hợp quy luật. Sự hiện diện của một tác gia thiên tài như Nguyễn Du và một kiệt tác như *Truyện Kiều* vừa bất ngờ, vừa phù hợp với quy luật phát triển của nền văn học dân tộc và khu vực. Tác phẩm *Truyện Kiều* là sự tổng hợp lớn lao không chỉ của văn hóa, văn học, nghệ thuật Việt Nam mà còn của văn hóa, văn học, nghệ thuật vùng Đông Á và Đông Nam Á.

2. Giá trị tư tưởng của *Truyện Kiều*

Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* đã kế thừa và phát huy những giá trị tư tưởng thể hiện ở tinh thần nhân văn, dân chủ trong lịch sử và lịch sử văn học Việt Nam truyền thống. Tư tưởng nhân đạo đã xuất hiện trong văn học Việt Nam trung đại ngay từ giai đoạn đầu của sự phát triển. Trong thơ văn của các thi nhân thời Lý - Trần, cảm hứng nhân văn đã được biểu hiện ở lòng tin yêu cuộc sống trần tục, khát vọng vượt lên khỏi những giáo lý cứng nhắc, sống gần gũi với thiên nhiên, con người. Trong thơ văn Nguyễn Trãi, nhân đạo trở thành lẽ sống, thành mục đích tồn tại của dân tộc. Tinh thần nhân đạo cũng được

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0986923598. Email: vuthanhvvh@yahoo.com.

phản ánh một cách rạch ròi trong các truyện truyền kỳ của Nguyễn Dữ... Nhưng tất cả chưa hội tụ đầy đủ thành một trào lưu sâu rộng và mạnh mẽ như trong văn học giai đoạn thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX - thời đại của Nguyễn Du.

Cảm hứng phê phán chế độ phong kiến, giai cấp thống trị và chiến tranh phong kiến nổi bật vào thế kỷ XVI trong thơ Nguyễn Bình Khiêm và tập truyện *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ nhưng chủ yếu trên lập trường đạo đức. Sự phê phán ở đây thực chất là một phương diện của việc khẳng định đạo đức chính thống. Các nhà thơ, nhà văn phê phán sự xuống cấp, suy vi của đạo đức đương thời, qua đó gián tiếp khẳng định chế độ phong kiến, khẳng định Nho giáo và thuần phong mỹ tục. Tất nhiên về mặt khách quan, sự vạch trần đó lại bộc lộ một cách rõ nét hơn những ung nhọt của chế độ, những hạn chế của đạo đức theo quan điểm chính thống. Điều đó được biểu hiện trong những bài thơ phê phán chiến tranh phi nghĩa và việc phản ánh nỗi thống khổ của người dân trong sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm, cũng như trong truyện của Nguyễn Dữ. Trong một số tác phẩm của mình, cả hai tác giả này đã đứng trên lập trường nhân bản vì quyền lợi của con người để phê phán xã hội. Nhiều hình tượng nhân vật, đặc biệt là hình tượng các nhân vật nữ trong *Truyện kỳ mạn lục* đã làm lay động lương tri con người. Nhiều nhà nghiên cứu coi Nguyễn Dữ là nhà văn mở đầu cho chủ nghĩa nhân đạo trong văn học Việt Nam trung đại. Đây là một bước tiến lớn của văn học dân tộc vì có sự chuyển biến bước đầu từ chỗ quan tâm đến các vấn đề về quốc gia, dân tộc, triều đại, đạo đức, tôn giáo... sang quan tâm đến các vấn đề về con người, số phận và quyền sống của họ.

Vấn đề con người cá nhân ít nhiều đã được phản ánh trong thơ của Nguyễn Trãi nhưng về cơ bản mới chỉ được đề cập đến như tâm tư của một cá thể mà chưa trở thành vấn đề xã hội như trong thơ phản đối chiến tranh của Nguyễn Bình Khiêm và truyện của Nguyễn Dữ. Có thể nói Nguyễn Dữ chính là nhà văn đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc đưa chủ đề con người và số phận con người trở thành những vấn đề trung tâm của đời sống văn học.

Nếu vấn đề con người và chủ nghĩa nhân đạo mới được Nguyễn Dữ gọi mở, thì đến thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, nó đã trở thành vấn đề cấp bách, được đặt ra một cách đầy gay gắt trong sáng tác của các nhà văn, nhà thơ. Con người với thế giới tâm hồn phong phú, sâu sắc, phức tạp và thân phận bi kịch của họ tiếp tục được văn học khám phá, phát hiện ở những tầng bậc sâu sắc hơn. Đặc biệt trong đó là số phận của người phụ nữ, những tầng lớp dưới đáy xã hội, bị xã hội khinh rẻ và dày dọa như kỹ nữ, ca nữ, người làm lẽ, người phụ nữ nghèo khổ, người không chồng mà chửa... Không phải ngẫu nhiên mà người phụ nữ lại trở thành hình tượng nghệ thuật trung tâm và tiêu biểu nhất trong văn học giai đoạn này, bởi họ chính là biểu tượng cho sự đau khổ, khốn cùng nhất trong một xã hội nam quyền đầy quy phạm trói buộc giới nữ nói riêng và con người nói chung. Họ cũng là hình ảnh tiêu biểu cho những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam.

Tinh thần đề cao người phụ nữ là một phương diện của sự phục hưng nền văn hóa bản địa dân tộc. *Truyện kỳ tân phá* của Đoàn Thị Điểm là sự tôn vinh tài năng, bản lĩnh, sắc đẹp, sự linh thiêng của người phụ nữ. Nếu đa số nhân vật trong tác phẩm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm là những người có

cuộc đời hiển hách, thì nhân vật phụ nữ trong các tác phẩm của Nguyễn Du lại là những con người có số phận hẩm hiu cho dù họ có tài năng hơn người. Đó là nàng Thúy Kiều trong *Truyện Kiều*, là những nhân vật phụ nữ trong các tập thơ chữ Hán của ông. “*Sở kiến hành*” viết về bốn mẹ con người ăn xin sắp chết đói. “*Độc Tiểu Thanh ký*” viết về thân phận của nàng Tiểu Thanh có tài thơ phú nhưng phải chịu thân phận lẽ mọn và bị người vợ cả hành hạ cho đến chết. “*Long thành cầm giả ca*” viết về cuộc đời sóng gió của một ca nữ có cái tên mặc cảm: cô Cầm. Đây là những bức tranh đầy giá trị hiện thực được viết theo kiểu thi sử. Thân phận người phụ nữ tiêu biểu cho số phận và sự khổ đau của con người. Đặng Trần Côn gửi gắm tâm sự về thời cuộc qua hình tượng người vợ trẻ ôm sầu chờ chồng nơi chinh chiến trở về, chịu thiệt thòi vì tuổi xuân đang mất dần, qua đó tố cáo chiến tranh phong kiến đã làm tan vỡ hạnh phúc tuổi trẻ, phá vỡ sự bình yên gia đình. Nguyễn Gia Thiều giải bày nỗi uất ức, cô trung qua hình ảnh người cung nữ đang đếm từng thời khắc của sự cô đơn, trống trải. Các nhà thơ nam - những nam nhi đầy mặc cảm thân phận với những nỗi niềm tâm sự không thể giải bày trực tiếp đã thông qua hình tượng người nữ nhi để thể hiện nỗi bất bình với xã hội của mình. Nhưng chủ nghĩa nhân đạo thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX chỉ thật sự đạt đến đỉnh cao trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Vấn đề con người và số phận của họ, sự phê phán những mặt trái của chế độ phong kiến nam quyền đã được phản ánh một cách sâu sắc trong truyện thơ Nôm này. Nguyễn Du đã kế thừa những giá trị nhân đạo từ cuốn tiểu thuyết của Thanh Tâm tài nhân, đồng thời kế thừa những giá trị nhân văn từ những

nhà thơ tiền bối như Đặng Trần Côn và Nguyễn Gia Thiều [7]. Sự kế thừa và phát triển đó biểu hiện ở lòng xót thương đồng loại, đưa con người trở thành hình tượng nghệ thuật trung tâm của đời sống văn học, cảm thông với nỗi đau thể xác và tinh thần của con người, phát hiện ra vẻ đẹp tâm hồn và tài năng, nhân cách của họ, đặc biệt là người kỹ nữ - loại người bị xã hội khinh thường nhất. Lòng xót thương, sự cảm thông, việc đề cao nhân cách, tài năng của người phụ nữ là một trào lưu được hình thành từ tinh thần nhân văn của văn hóa bản địa vốn đề cao phụ nữ, từ tinh thần nhân đạo và dân chủ của văn hóa, văn học dân gian, từ các giá trị nhân bản của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo và từ văn hóa, văn học khu vực. Theo một số nhà nghiên cứu thì trong văn học dân gian thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX đã xuất hiện chủ nghĩa nhân đạo, nổi bật ở những bài hát than thân, những bài ca dao nói về thân phận của người phụ nữ, ở sự phê phán, vạch trần bản chất tầng lớp thống trị... Những giá trị nhân bản và tư tưởng dân chủ, tự do đó nhất định đã có ảnh hưởng lớn lao đến ngòi bút của Nguyễn Du, từ đó giúp ông tổng hợp thành những giá trị nghệ thuật vĩ đại trong tác phẩm của mình.

Truyện Kiều bên cạnh việc đấu tranh cho quyền lợi của người phụ nữ, còn là sự ý thức khá sâu sắc về tài năng và nhân phẩm của tầng lớp người luôn chịu thiệt thòi về nhiều mặt này. Nhân vật Thúy Kiều đã được Nguyễn Du tái tạo, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn và những phẩm chất truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: thủy chung, son sắt, thùy mị, nét na, có một tâm hồn đẹp đẽ và cao thượng, tạo nên sự khác biệt với nhân vật Thúy Kiều của Thanh Tâm tài nhân. Nguyễn Du đã chủ động tước bỏ một

số chi tiết của *Kim Vân Kiều truyện* để tạo nên một nàng Kiều có nhiều nét gần gũi với tâm lý và hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam. Nhưng Thúy Kiều không chỉ có vẻ đẹp “sắc sảo mặn mà”, mà còn là một người con gái “so bì tài sắc còn là phần hơn”. Trong văn học dân tộc, đây là một điều mới mẻ, bởi thơ văn các giai đoạn trước chỉ nhắc đến tài nội trợ của phụ nữ, chứ không nhắc đến tài thơ phú, văn chương, đặc biệt tài năng nghệ thuật đàn hát thì là điều cấm kỵ (vì quan niệm “xướng ca vô loài”). Các nhân vật phụ nữ có tài thơ phú (tất nhiên đây không phải là thứ thơ phú chính thống mà là loại văn chương “tài hoa”, “ủy mị”, “yêu đương”, “traí gái” làm mê hoặc lòng người, khiến con người xa lìa đạo đức thánh hiền), tài đàn hát trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ như hồn ma Nhị Khanh (“*Chuyện cây gạo*”), ca kỹ Đào Hàn Than (“*Nghiep oan của Đào thị*”)... luôn có số phận hết sức bi đát, chết đi đều biến thành ma quỷ hại người và luôn bị các thế lực chính thống tìm cách tiêu diệt đến cùng. Nguyễn Dữ tuy có sự cảm thông với thân phận các nhân vật nhưng qua đó vẫn thể hiện rõ thái độ phê phán, có phần kỳ thị của nhà nho. Kiều tình yêu “tự do”, “buông thả”, đi ngược lễ giáo dưới con mắt đạo đức của nhà nho luôn là nguyên nhân gây nên sự hỗn loạn và sa sút về đạo lý của xã hội và cần bị phê phán. Các “nữ thánh” trong *Truyện kỳ tân phá* của Đoàn Thị Điểm cũng có tài năng nhưng cơ bản là tài “kinh bang tế thế” được xã hội chính thống đề cao và họ luôn là tấm gương sáng cho cả xã hội soi chung. Ngay cả Đặng Trần Côn (*Chinh phụ ngâm*), Nguyễn Gia Thiều (*Cung oán ngâm khúc*), Nguyễn Huy Tự (*Hoa tiên truyện*) cũng chưa quan tâm đến tài năng nghệ thuật của các nhân vật nữ trong các tác phẩm của

mình. Nguyễn Du thì khác, ông viết nhiều về những người phụ nữ tài hoa hơn người và ca ngợi tài năng đặc biệt của họ, những thứ tài không được người đời chấp nhận mà còn bị khinh rẻ, dập vùi. Thúy Kiều không chỉ có tài thơ phú mà còn có tài đàn hát. Chữ “tài” (đặc biệt là cái tài hơn người của mỗi cá nhân) trở thành tiêu chí của cái đẹp, cái thẩm mỹ. Ở đây cái đẹp của con người được quan niệm bao hàm không chỉ là vẻ đẹp hình thể, vẻ đẹp trần thế, lành mạnh, tự nhiên (“Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang”, “Rõ ràng trong ngọc trắng ngà/ Dày dục sẵn một toà thiên nhiên”), mà còn là vẻ đẹp của phẩm hạnh, trí tuệ, tài năng. Quan niệm đó vượt ra khỏi khuôn khổ của đạo đức đương thời. Thơ văn của Nguyễn Du (mà *Truyện Kiều* là tiêu biểu) chính là cuộc đấu tranh để bảo vệ, đề cao và đề “khoe” với thiên hạ cái tài đó. Quan niệm truyền thống, quan niệm đạo đức Nho giáo cho rằng những người làm nghề đàn hát thường có lối sống buông thả, không có ý thức giữ gìn nhân phẩm và là nguyên nhân làm rối loạn cương thường. Nguyễn Du chứng minh rằng Thúy Kiều là một con người đầy nhân cách và biết bảo vệ nhân phẩm của mình ngay trong những hoàn cảnh hết sức éo le, đen tối của cuộc đời, ngay cả khi phải sống cuộc sống nhơ nhuốc của một kỹ nữ. Thúy Kiều luôn luôn khinh bỉ hoàn cảnh “sống làm vợ khắp người ta”, luôn khát khao một cuộc sống bình yên, trong sáng. Về điều này Nguyễn Du khác với Nguyễn Dữ. Nguyễn Du tuy kế thừa tư tưởng nhân văn có phần phóng khoáng của tác giả *Truyện kỳ mạn lục*, nhưng vượt lên khỏi những hạn chế của “người mở đầu cho chủ nghĩa nhân đạo trong văn học dân tộc”. Nguyễn Du cũng kế thừa tư tưởng đề cao người phụ nữ của Đoàn Thị Điểm nhưng

ông không xây dựng nhân vật của mình thành thánh nữ. Thúy Kiều của Nguyễn Du hết sức đời thường, gần gũi, như bước vào trang sách từ chính cuộc đời đầy đau khổ.

Nguyễn Du ca ngợi Thúy Kiều, ca ngợi cuộc tình giữa một chàng thương nhân (vốn là loại người mà nhà nho kỳ thị) như Thúc Sinh với kỹ nữ Thúy Kiều (kẻ “xương ca vô loài”, “bán thân nuôi miệng”, là nguyên nhân của sự băng hoại đạo đức xã hội theo quan điểm chính thống). Thúy Kiều dù phải chịu nhiều hệ lụy từ cuộc tình với Thúc Sinh nhưng vẫn rất biết ơn chàng. Tình yêu của Thúc Sinh giống như ốc đảo giữa sa mạc cuộc đời Thúy Kiều, giúp nàng thoát khỏi chốn địa ngục trần gian tưởng như không lối thoát. Một điều nữa mà Nguyễn Du khác với Nguyễn Dữ và khác cả với Thanh Tâm tài nhân là ở chỗ, Nguyễn Du gửi gắm vào nhân vật của mình rất nhiều tâm sự và khát vọng của đời mình. Thúy Kiều chính là một phần con người Nguyễn Du, vì vậy mà ông hết sức yêu quý và cảm thương cho thân phận của nàng. Nỗi cô đơn, đau đời của Thúy Kiều chính là sự thể hiện tâm sự cô độc, nỗi đau nhân tình của chính Nguyễn Du. Đây là điều có lẽ ông đã học được từ Nguyễn Huy Tự, Đặng Trần Côn và Nguyễn Gia Thiều, đặc biệt là từ các tác giả ngâm khúc trong nghệ thuật khắc họa đời sống nội tâm nhân vật... Nhưng về sự hóa thân vào nhân vật, về việc gửi gắm vào nhân vật của mình những khát vọng cháy bỏng, về sự yêu thương, cảm thông và niềm kính trọng với nhân vật của mình... thì không ai trong số các nhà thơ đương thời có thể sâu sắc hơn Nguyễn Du.

Hình ảnh nàng Thúy Kiều “xăm xăm băng lối vườn khuya một mình” để đến với Kim Trọng là biểu tượng cho khát vọng về tình yêu tự do chân chính. Ở tác phẩm của Nguyễn Du hành động quyết liệt trong việc

lựa chọn và chủ động tìm đến với tình yêu tự do còn như một phương cách nhằm giải thoát khỏi định mệnh bị ám ảnh bởi bóng ma Đạm Tiên trước đó. Đây là thứ tình yêu chống định mệnh và chống sự hà khắc của lễ giáo.

Khác với quan niệm gò bó của Nho giáo, các nhà văn, nhà thơ qua các tác phẩm của mình cho thấy rằng chính tình yêu (trong đó có tình yêu tự do) đã cảm hoá con người, làm con người trở nên nhân đạo hơn, người hơn. Thúy Kiều của Nguyễn Du trong những giờ phút khắc nghiệt, đau khổ nhất của cuộc đời đều nghĩ đến mối tình đầu (chưa được sự đồng ý của hai bên cha mẹ) với Kim Trọng. Điều đó đã giúp nàng vượt lên khỏi cái chết, sự đau khổ để tiếp tục sống và giữ gìn nhân phẩm của mình. Khi sa vào cạm bẫy của những kẻ “buôn thịt, bán người” nàng hối hận (“Biết thân đến chốn lạc loài/ Nhị đào thà bẻ cho người tình chung”), nàng yêu tha thiết cả ba người đàn ông và với ai cũng hết lòng. Đó là một quan niệm mới mẻ và cũng hết sức gần gũi với cuộc đời. Đây rõ ràng là một thứ tình yêu và hôn nhân rất con người, rất đời thường. Nếu nhìn bằng con mắt của người ngày nay (ở thời đại mà chúng ta có nhiều tự do hơn trong tình yêu và hôn nhân) thì rõ ràng Nguyễn Du rất nhân đạo và cũng rất hiện đại. Từ đâu mà Nguyễn Du có được tư tưởng đi trước thời đại như vậy? Trước hết phải nói rằng ông tiếp thu những tư tưởng tự do và nhân đạo đó từ văn hóa, văn học bản địa truyền thống và khu vực và từ các bậc tiền bối Trung Hoa như Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị và cũng cả từ Thanh Tâm tài nhân. Tuy trước Nguyễn Du, trong văn học Việt Nam đã có biết bao nhà văn, nhà thơ chịu ảnh hưởng của những con người “khổng lồ” này, nhưng chưa xuất hiện một thiên tài như ông. Cần phải thấy

rằng tài năng, sự mẫn cảm và những trải nghiệm của chính bản thân Nguyễn Du là một điều hết sức quan trọng. Tài năng cá nhân ở dạng xuất chúng như Nguyễn Du khi gặp thời sẽ nở rộ rực rỡ. Đó là điều dễ dàng nhận thấy. Tình yêu thương con người, tư tưởng tự do, dân chủ, nhân đạo đã cho ông thấy rõ: vì sao mà một người đàn ông (như bản thân ông) có quyền yêu nhiều người phụ nữ (và lễ giáo cho phép một người đàn ông có thể lấy nhiều vợ), mà một người phụ nữ trong những hoàn cảnh đặc biệt như Thúy Kiều lại không thể yêu và chung sống với những người đã yêu mình, những ân nhân đã cứu mình ra khỏi chốn bần nhơ tăm tối. Nàng hoàn toàn có quyền sống và làm như vậy. Quan niệm của các nhà nhân văn chủ nghĩa thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, mà Nguyễn Du là một đại diện, về chữ “trinh”, về nhân phẩm của con người thật mới mẻ, nhân đạo, phá vỡ những chuẩn mực đạo đức giáo điều xa đời thực tế của Nho giáo. Những vấn đề của con người, thuộc về con người và mang tính nhân văn đã được Nguyễn Du từng bước tổng hợp từ truyền thống của dân tộc và khu vực, được ông nâng cao, làm sâu sắc hơn chính từ cuộc đời đầy trải nghiệm và cũng đầy sóng gió của mình.

Tình yêu chân chính đã giúp con người trở nên sống tốt hơn, đẹp hơn. Các nhân vật khác trong *Truyện Kiều* cũng vậy. Mỗi tình với nàng Thúy Kiều đã giúp Kim Trọng sống có trách nhiệm, tình nghĩa hơn với cuộc đời. Các nhân vật trong *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tự, trong các truyện Nôm bình dân, các nhân vật trong tập truyện ngắn *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh (như “*Tháp báo ân*”, “*Cuộc tình ở Thanh Trì*”...) khi đến với tình yêu đều là những nhân vật có tâm hồn đẹp. Chính tình yêu đã tạo nên vẻ đẹp đó. Thiên nhiên trong

Truyện Kiều, *Hoa tiên*, *Sơ kính tân trang* ở các đoạn miêu tả tình yêu đôi lứa đều đẹp lộng lẫy khác thường bởi nó mang tâm trạng của con người. Đây là một nhận thức hết sức nhân văn của văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, có ý thức chống lại những hạn chế trong quan niệm về bổn phận, về sự tu dưỡng mang tính tôn giáo kìm hãm hạnh phúc con người của Nho giáo và Phật giáo. Điều đó chứng tỏ văn học dân tộc đã thực sự bước sang một thời kỳ mới. Đó là thời kỳ thơ văn không chỉ phát hiện ra con người mà còn khám phá ra thế giới tâm hồn đầy phức tạp của họ, hướng con người về cuộc sống trần tục, cuộc sống thể sự với những niềm vui, sự đòi hỏi quyền lợi và sự hưởng thụ. Nguyễn Du một mặt chống lại những hạn chế, tiêu cực của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, mặt khác lại kế thừa và tiếp thu các mặt tích cực của các hệ tư tưởng và tôn giáo này như quan niệm về chữ Tâm, chữ Hiếu, sống hòa hợp với thiên nhiên...

Khát vọng tự do, công lí, khát vọng chính nghĩa đều là những chủ đề lớn của văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX. Những khát vọng lớn lao đó đã được thể hiện một cách mạnh mẽ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, đặc biệt qua hai nhân vật Từ Hải và Thúy Kiều. Những khát vọng đó là nguyện vọng của bao đời, được thể hiện một cách mãnh liệt trong văn học dân gian và cả trong văn học viết và nay được thể hiện một cách rực rỡ trong *Truyện Kiều*. Sống trong một hoàn cảnh nô lệ đầy éo le trong tay những kẻ buôn thịt bán người, Thúy Kiều luôn khát khao cuộc sống tự do, luôn khát khao công lí và chính nghĩa. Cũng chính vì những khát vọng chân chính đó mà nàng đã phải trả giá cho bao lần bị lừa gạt và cuối cùng Thúy Kiều cũng đã gặp được người anh hùng của đời mình, con

người đã cứu nàng ra khỏi chốn nhơ nhớp buồn đau, nhục nhã. Đó chính là Từ Hải (người “Chọc trời khuấy nước mặc lòng/ Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”). Buổi báo ân, báo oán mà Từ Hải sắp đặt cho Thuý Kiều chính là hiện thực hóa những khát vọng tưởng như chẳng bao giờ thành hiện thực đó.

Chủ nghĩa nhân văn đã tạo nên sắc diện độc đáo, mới mẻ cho văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, nổi bật bởi tinh thần dân chủ, cởi mở, tạo động lực phát triển mới cho văn học dân tộc, làm thay đổi quan niệm sáng tác, quan niệm về thể loại, thúc đẩy cá tính sáng tạo, đưa văn chương tiến gần hơn tới đời sống hiện thực, tới cuộc đời. Thành tựu đó là kết quả của sự vận động của chính lịch sử văn học dân tộc và được đúc kết trong một con người, trong một tác phẩm.

3. Giá trị nghệ thuật của *Truyện Kiều*

Trên phương diện nghệ thuật *Truyện Kiều* là sự kết tinh của các giá trị nghệ thuật của văn hóa, văn học dân tộc và khu vực.

Chủ nghĩa nhân đạo đã đem lại sự đổi mới, mang tinh thần của sự “phục hưng” những giá trị truyền thống của dân tộc. Điều đó thể hiện đặc biệt rõ nét trong thơ Hồ Xuân Hương (như việc đề cao người phụ nữ và những giá trị phồn thực trong văn hóa lúa nước bản địa đối lập với văn hóa phụ quyền hướng thượng mang tính “ngoại lai” của Nho giáo). Với *Truyện Kiều*, cũng không phải ngẫu nhiên khi vay mượn cốt truyện từ cuốn tiểu thuyết *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân, Nguyễn Du đã không thể hiện tác phẩm của mình bằng văn xuôi chữ Hán mà chọn hình thức truyện thơ Nôm lục bát.

Truyện thơ viết bằng thể thơ lục bát, viết bằng văn tự Nôm chính là đỉnh cao của văn học dân tộc, là thể loại lớn nhất và tiêu biểu

nhất cho thành tựu của văn học Việt Nam thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX. Lục bát là thể thơ dân gian Việt Nam, là thể thơ chủ yếu của ca dao, tục ngữ, đã tồn tại lâu đời trong văn hóa người Việt đã được các nhà nho sử dụng để sáng tác thơ, truyện thơ, diễn ca... Chữ Nôm từ lâu cũng đã trở thành ngôn ngữ văn học dân tộc, đã tồn tại, phát triển qua nhiều chặng đường từ thế kỷ XIII, XIV đến thời đại của Nguyễn Du. Trước đó, từ cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, các nhà thơ đã viết truyện thơ bằng thơ Nôm Đường luật; nhưng có thể nói thể nghiệm này đã phải dừng lại do việc chấp nối các bài thơ Nôm Đường luật lại với nhau không thể đáp ứng được tính hệ thống, sự liên mạch của cảm hứng trữ tình, tự sự và nhanh chóng được thay thế bằng thể thơ lục bát. Điều đó chứng tỏ rằng lục bát có khả năng to lớn trong việc diễn tả đời sống tình cảm, khắc họa sâu sắc thế giới nội tâm của con người, nhưng vẫn có thể phản ánh những sự kiện lịch sử hoành tráng của dân tộc, có thể kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phẩm chất nghệ thuật (trữ tình với tự sự, trữ tình, tự sự với châm biếm, trào phúng, giễu nhại). Lục bát là thể thơ chủ yếu của hàng trăm tác phẩm truyện thơ Nôm, mà đỉnh cao là kiệt tác *Truyện Kiều*. Nguyễn Du đã đưa thể thơ này đạt đến trình độ cổ điển trong văn học Việt Nam trung đại. Với *Truyện Kiều*, thể lục bát không chỉ phát huy tối đa chức năng kể mà còn thể hiện một cách tinh tế khả năng diễn tả nội tâm và suy ngẫm về hiện thực. Ở đây chức năng tự sự và trữ tình của lục bát cũng được thể hiện ở đỉnh cao, đưa lục bát trở thành một thể thơ dân tộc hoàn thiện, thể hiện sự kết hợp gần bó giữa văn học bác học và văn học dân gian. Truyện thơ vốn là một thể loại phổ biến của văn học dân gian của đại đa số các dân tộc Việt Nam và các quốc gia trong khu

vực Đông Nam Á. Dân tộc Kinh - một dân tộc hùng mạnh, vốn có nền văn hóa, văn minh phát triển trong số các dân tộc ở Việt Nam và Đông Nam Á - chắc chắn cũng đã có một kho tàng truyện thơ dân gian như các dân tộc khác. Có thể kho tàng này đã bị hủy hoại trong 1.000 năm Bắc thuộc. Nhưng những giá trị văn hóa, văn học bản địa đó vẫn giống như một dòng sông ngầm, âm thầm tồn tại trong ký ức dân tộc, nay có thời cơ trời dậy mạnh mẽ. Nguyễn Du chính là một trong những nhà phục hưng lớn của văn học dân tộc, ông đã sống cùng dòng chảy văn hóa đó, trong môi trường gia đình, môi trường quê hương, môi trường dân tộc, ở những miền đất gió bụi đã từng in dấu chân ông (Nghị Xuân, Trường Lưu, sông Lam, núi Hồng ở Hà Tĩnh, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Thái Bình, Thăng Long...). Và bằng tài năng của mình, Nguyễn Du đã phát huy và phục hưng những giá trị của văn hóa bản địa và văn hóa khu vực. Truyện thơ Nôm lục bát chính là thể loại thể hiện rõ nét nhất bản sắc văn hóa bản địa Đông Nam Á của văn học Việt Nam trung đại, tạo nên sự khác biệt với văn hóa Đông Á và như một biểu hiện tiêu biểu nhất cho sự kết hợp những giá trị tinh hoa của văn hóa Đông Á và Đông Nam Á trong văn hóa, văn học Việt Nam.

Có thể nói sự xuất hiện truyện thơ Nôm là một bước tổng hợp mới của chín thế kỷ văn học Việt Nam trung đại. Nền văn học dân tộc vốn nổi trội về thơ ca; thiên về trữ tình và không mạnh về tự sự; hướng nhiều đến Đạo, đến cái cao cả; ít hướng tới cái trần tục, đời thường. Các thế kỷ trước là sự chuẩn bị dần từng bước cho việc kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa các yếu tố tự sự và trữ tình để tạo nên bước đột phá trong thể loại truyện thơ Nôm. Truyện thơ Nôm đã làm thay vai trò của tiểu thuyết thể

sự chữ Hán. Chữ Hán là ngôn ngữ vay mượn, lại là tử ngữ đã không đảm nhiệm nổi yêu cầu dân tộc hoá và diễn tả thế giới nội tâm của con người Việt Nam. Như đã nói ở trên, đây là một đặc điểm hết sức độc đáo của văn học Việt Nam trong so sánh với văn học khu vực và thế giới. Cũng cần phải nói thêm rằng, chất tự sự cũng thâm nhập ở những mức độ nhất định vào trong tất cả các thể loại như thơ Nôm Đường luật, hát nói và cả ngâm khúc - một thể loại được coi là “thuần túy trữ tình”. Chất liệu cuộc sống đi vào trong các thể loại này ngày càng rõ rệt, làm thay đổi kết cấu tác phẩm, góp phần tạo nên những bức tranh hiện thực đa dạng...

Những thành công xuất chúng trong việc miêu tả đời sống nội tâm nhân vật là thành tựu nổi bật của *Truyện Kiều*. Nhà nghiên cứu Phan Ngọc trong công trình *Phong cách Nguyễn Du qua “Truyện Kiều”* [7] đã coi Nguyễn Du là một trong vài nghệ sĩ bậc thầy trên thế giới trong nghệ thuật miêu tả tâm lý. Trong đó nổi bật là việc miêu tả nội tâm nhân vật qua lời tự thoại và qua bút pháp “tả cảnh ngụ tình”; tiêu biểu trong đó phải kể đến đoạn Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích và đoạn Thúy Kiều ở lầu xanh lần thứ nhất. Miêu tả thế giới nội tâm nhân vật qua “tả cảnh ngụ tình” cũng là một thủ pháp nghệ thuật cơ bản của các khúc ngâm khi khắc họa tâm trạng nhân vật. “Tả cảnh ngụ tình” rõ ràng là một thủ pháp nghệ thuật điển hình của văn học giai đoạn này, nhưng nó có nguồn gốc từ đâu và có phải đó là một thủ pháp riêng biệt của văn học Việt Nam trung đại hay không? Đây là một vấn đề khoa học rất lý thú. Nhưng sâu xa có thể thấy rằng, nó xuất phát từ đặc trưng coi trọng sự hòa đồng trong đời sống với thiên nhiên của người Việt Nam nói riêng, của các cư dân trồng lúa nước Đông Nam Á và

của văn hóa Đông Á nói chung. Thiên nhiên được coi như những biểu tượng của sự hoàn mỹ, là hình mẫu của con người trung đại, được tín ngưỡng bản địa, được cả Phật giáo, Nho giáo và đặc biệt được tư tưởng Lão - Trang và Đạo giáo đề cao. Quan sát trong văn học dân tộc, chúng ta thấy việc dùng thơ ca để bộc lộ đời sống nội tâm của các nhà thơ là một việc đã xuất hiện từ lâu và có thành tựu rất lớn từ Nguyễn Trãi. Trong các thể loại tự sự, có thể thấy việc sử dụng thơ từ để thể hiện đời sống nội tâm của các nhân vật đã có từ *Thánh Tông di thảo* (tương truyền của vua Lê Thánh Tông, nửa sau thế kỷ XV) và *Truyện kỳ mạn lục* (Nguyễn Dữ, đầu thế kỷ XVI). Còn trong *Truyện kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm thì tồn tại rất nhiều thơ từ. Trong các tập truyện này mỗi khi cần diễn tả tình cảm của các nhân vật, đặc biệt là những tình cảm “khó nói” (như tình yêu nam nữ, chuyện yêu đương trai gái...), các nhà viết truyện thường sử dụng thơ từ. Các bài thơ đó chủ yếu là các bài tả cảnh, vịnh cảnh, thông qua cảnh vật thiên nhiên để nói lên tình cảm con người. Các cây bút văn xuôi trung đại Việt Nam không quen với việc diễn tả đời sống nội tâm của nhân vật bằng văn xuôi, mà trong nhiều trường hợp thường vận dụng thơ ca để biểu hiện. Đây là một điều đặc biệt, có lẽ các tác giả đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của thơ ca dân tộc (đặc biệt là thơ ca dân gian) trong việc diễn tả tâm trạng. Điều này thì rất rõ ở ngâm khúc, một thể loại văn học bác học có ảnh hưởng từ dân gian. Ngâm khúc là thể loại có khả năng đặc biệt trong việc diễn tả tâm trạng của nhân vật trữ tình. Một trong những bút pháp nghệ thuật diễn tả đời sống nội tâm của nhân vật là bút pháp “tả cảnh ngụ tình”, diễn tả tâm tình của nhân vật thông qua việc diễn tả thế giới tự nhiên

xung quanh nhân vật. Nguyễn Du đã vận dụng một cách xuất sắc thủ pháp nghệ thuật này trong tác phẩm của mình, và rõ ràng đã kế thừa và phát triển thành tựu nghệ thuật này từ các khúc ngâm tiêu biểu như *Chinh phụ ngâm khúc* và *Cung oán ngâm khúc*...

Con người hiện lên với thế giới nội tâm, với những tình cảm phong phú, phức tạp và sâu sắc của mình. Các nhà văn, nhà thơ đã cho thấy rằng, nỗi đau tinh thần, sự giằng xé trong nội tâm con người còn đớn đau, vật vã, triền miên hơn nhiều so với nỗi đau thể xác. Nỗi đau ấy lớn đến nỗi thế giới tự nhiên bao la cũng phải cảm động, nó thấm vào tạo vật xung quanh khiến cho cảnh vật cũng mang vẻ u sầu của con người. Cuộc đấu tranh trong tâm hồn con người còn dữ dội hơn cả những gì mà họ thể hiện ra bên ngoài. Phản ánh một cách sâu sắc thế giới tâm hồn đó chính là thiên chức lớn lao của văn chương. Đây là một trong những thành tựu nghệ thuật hết sức sâu sắc của văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX, mà tiêu biểu là *Truyện Kiều*. Đoạn thơ miêu tả cuộc sống và nội tâm của Thúy Kiều khi ở lầu xanh lần thứ nhất và sau những lần ê chề phải tiếp khách làng chơi là một trong những đoạn miêu tả tâm lý nhân vật xuất sắc nhất trong tác phẩm của Nguyễn Du.

Sự kết hợp giữa các màu sắc nghệ thuật khác nhau, nhiều khi là đối lập nhau, trong một tác phẩm cũng là một trong những đặc điểm nổi bật của văn học giai đoạn này. Chất tự sự và trữ tình, tự sự và sử thi, lãng mạn và hiện thực, bi kịch và hài kịch, cái đẹp cao cả và cái thấp hèn... đan quyện vào nhau tạo nên các kiệt tác như *Truyện Kiều*, *Hoàng Lê nhất thống chí*, *Sơ kinh tân trang*, *Cung oán ngâm khúc*, *Chinh phụ ngâm*, *Tự tình khúc*, *Lan Trì kiến văn lục*... Một trong những thành tựu nghệ thuật tạo nên giá trị của *Truyện Kiều* chính là sự kết hợp nhuần

nhuyễn giữa chất tự sự và trữ tình của tác phẩm. Đây cũng là nét khác biệt giữa *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm tài nhân. Nhân vật Thúy Kiều của Nguyễn Du là sự kết hợp giữa các phẩm chất: lãng mạn và hiện thực, lý tưởng và đời thường, cái đẹp cao cả và cái bi kịch... Sự đa dạng của bút pháp nghệ thuật là một trong những thành tựu nổi bật của các tác phẩm văn học giai đoạn này.

Văn học thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc còn xây dựng được những nhân vật trung gian, thoát ra khỏi sự mòn sáo của hệ thống các nhân vật đối lập thiện ác theo kiểu tư duy truyền thống. Đó là các nhân vật trong *Truyện Kiều* như Thúc Sinh hay phần nào đó là Hoạn Thư, những nhân vật vừa có mặt xấu và tốt. Thúc Sinh có những tật xấu của một người đàn ông ham chơi, uơ hèn nhưng lại là người yêu thương, thủy chung với Thúy Kiều thật sự. Còn Hoạn Thư nanh độc, ghen tuông hết mực sau khi hiểu được thân phận chìm nổi của một người con gái vừa trắng trong vừa tài hoa như Thúy Kiều đã có phần cảm thông và nhẹ tay với nàng. Đây cũng là điều khác biệt sâu sắc giữa các nhân vật của Nguyễn Du với nhân vật của Thanh Tâm tài nhân.

4. Kết luận

Truyện Kiều đã xây dựng thành công nhiều tính cách điển hình. Nhiều nhân vật trong tác phẩm đã trở thành nhân vật của đời sống xã hội, những đặc điểm trong tính cách của họ được dùng để chỉ một loại người nhất định.

Ảnh hưởng của ngôn ngữ dân tộc, ngôn ngữ đời sống, đặc biệt là ngôn ngữ dân gian (như tục ngữ, thành ngữ, ca dao, dân ca) đến sự phát triển của văn học, nhất là thơ ca, là hết sức rõ rệt. Những ảnh hưởng đó rất sâu đậm trong *Truyện Kiều*. Các điển cố,

điển tích vẫn được Nguyễn Du sử dụng nhưng cũng đã được Việt hoá và trở nên gần gũi với bạn đọc hơn.

Ngôn ngữ dân tộc không chỉ phản ánh được những sự kiện lớn lao của đất nước mà còn có khả năng diễn tả một cách tinh tế và sinh động thế giới nội tâm của con người, cũng như cảnh vật thiên nhiên xung quanh con người, cảm giác của con người về thế giới tình cảm cũng như thế giới tự nhiên. Có được những thành tựu lớn lao đó chính là do Nguyễn Du bên cạnh tài năng của mình đã biết tổng hợp các giá trị văn hóa, nhân văn từ truyền thống, từ các nhà văn đương thời và từ nền văn học Trung Quốc, vốn có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với văn hóa, văn học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Du toàn tập (1996), t.2, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Dữ (1999), *Truyện kỳ mạn lục*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thạch Giang, Nguyễn Lộc (Biên khảo và chú giải) (1994), *Những khúc ngâm chọn lọc*, 2 tập, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [4] Cù Hựu (1999), *Tiến dâng tân thoại*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5] Đinh Gia Khánh (Chủ biên) (2000), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, các tập 12, 13, 14, 15, 16, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Phan Ngọc (1985), *Phong cách Nguyễn Du qua “Truyện Kiều”*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Trần Đình Sử (2001), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8] Thanh Tâm tài nhân (1999), *Kim Vân Kiều truyện*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9] Lã Nhâm Thìn và Vũ Thanh (Đồng chủ biên) (2015), *Giáo trình Văn học trung đại Việt Nam*, t.1, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] *Về tác giả và tác phẩm* (1999), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

